

Số: /KTHM-09/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày

tháng 9 năm 2023

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN  
THỜI HẠN MÙA TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**

(Từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2024)

**1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nổi bật trong 02 tháng qua**

**1.1. Tình hình khí tượng:**

**a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:**

+ **Bão/Áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Trong tháng 7 và tháng 8, đã xuất hiện 03 cơn bão trên khu vực Biển Đông, bao gồm: Cơn bão số 1 (TALIM), cơn bão số 2 (DOKSURI) và cơn bão số 3 (SAOLA). Trong đó, cơn bão số 1 đã đổ bộ vào khu vực phía Nam tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) vào ngày 18/7/2023, sau đó đi dọc theo biên giới Việt-Trung và suy yếu thành một vùng thấp trên khu vực các tỉnh Cao Bằng-Lạng Sơn vào chiều tối ngày 19/7/2023 (Hình 1a). Cơn bão số 2 xuất hiện trên khu vực Đông Bắc Biển Đông nhưng không ảnh hưởng đến đất liền nước ta (Hình 1b). Cơn bão số 3 sau khi đi vào vùng biển phía Đông Bắc của Bắc Biển Đông đến đêm ngày 02/9/2023 di chuyển vào vùng ven biển phía Tây Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) và suy yếu thành ATNĐ. Sau đó suy yếu thành vùng thấp trên vùng biển phía Tây bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) (Hình 1c).



(a)



(b)



(c)

Hình 1: Bão số 1 (TALIM) (a); bão số 2 (DOKSURI) (b);  
bão số 3 (SAOLA) (c)

+ **Mưa diện rộng:** Từ tháng 7 đến nửa đầu tháng 9/2023, trên cả nước đã xảy ra 09 đợt mưa diện rộng vào các ngày: 02-05/7, 08-09/7, 11-15/7, 18-22/7 và 28-31/7 và từ ngày 01-16/8, 18-21/8, 23-28/8, 12-15/9 tập trung chủ yếu tại

khu vực vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Riêng tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ từ tháng 7 đến nửa đầu tháng 9 xảy ra nhiều ngày có mưa dông trên diện rộng. Đáng chú ý nhiều nơi có tổng lượng mưa tháng và lượng mưa ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) trong cùng thời kỳ (*Phụ lục 1: Từ Bảng 1 đến Bảng 3*).

+ *Nắng nóng*: Từ tháng 7 đến nửa đầu tháng 9/2023, đã xảy ra các đợt nắng nóng diện rộng ở Bắc Bộ và Trung Bộ, cụ thể: Ngày 01-17/7 và 26-28/7 tại Bắc và Trung Trung Bộ, ngày 22-27/7 tại trung du và Đồng bằng Bắc Bộ. Sang tháng 8 tại khu vực Quảng Trị-Khánh Hòa đã xuất hiện nắng nóng gay gắt diện rộng kéo dài từ 05-28/8. Trong đó, các ngày từ 09-10/8, 16-19/8, 22-23/8 và 26-27/8 nắng nóng mở rộng đến khu vực các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Từ ngày 01-03/9 và thời kỳ 06-07/9/2023 nắng nóng xảy ra tại khu vực Bắc Bộ, riêng thời kỳ 02-03/9 có nắng nóng xảy ra tại khu vực Trung Bộ. Trong các đợt nắng nóng, một số nơi đã quan trắc được giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS trong cùng thời kỳ (*Phụ lục 2: Từ Bảng 1 đến Bảng 4*).

*b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa:*

+ Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB):

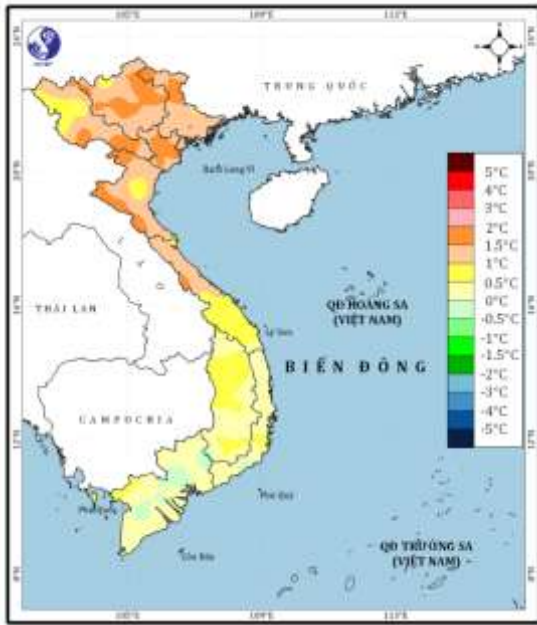
Trong tháng 7/2023, NĐTĐB trên cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với trung bình nhiều năm (TBNN), riêng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 1,0-2,0<sup>0</sup>C so với TBNN; một số nơi ở Nam Bộ thấp hơn khoảng 0,5<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2a*).

Trong tháng 8/2023, NĐTĐB trên cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN, riêng Trung Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 1,0-2,0<sup>0</sup>C so với TBNN; một số nơi ở phía Tây Bắc Bộ thấp hơn khoảng 0,5<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2b*).

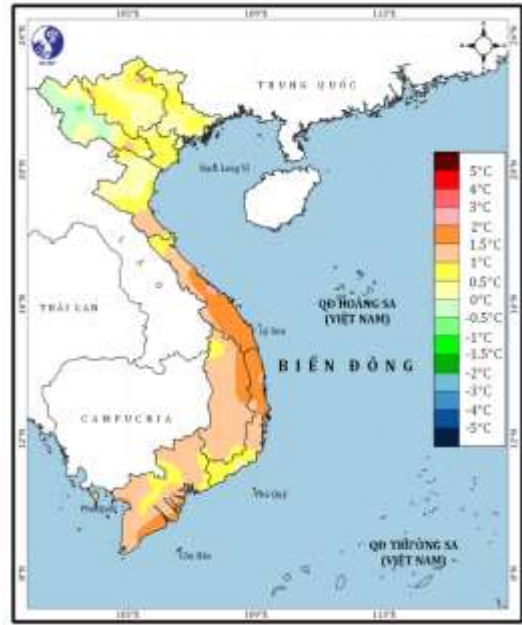
Trong nửa đầu tháng 9/2023, NĐTĐB trên cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ, một số nơi tại phía Đông Bắc Bộ và các tỉnh Quảng Nam, KonTum phổ biến cao hơn từ 1,0-1,5<sup>0</sup>C; riêng các tỉnh miền Tây Nam Bộ ở mức thấp hơn khoảng 0,5<sup>0</sup>C so với TBNN.

+ Tổng lượng mưa (TLM):

Trong tháng 7/2023, TLM tại khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 20-50%; riêng khu vực trung du và Đồng Bằng Bắc Bộ, một số nơi như Hà Tĩnh, Quảng Bình và Thừa Thiên Huế thấp hơn từ 60-80% so với TBNN cùng thời kỳ. Khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN từ 50-100%, có nơi trên 100% (*Hình 3a*).

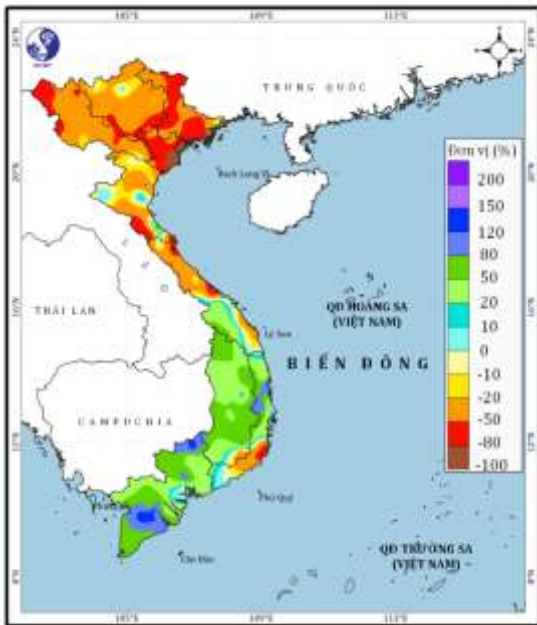


(a)

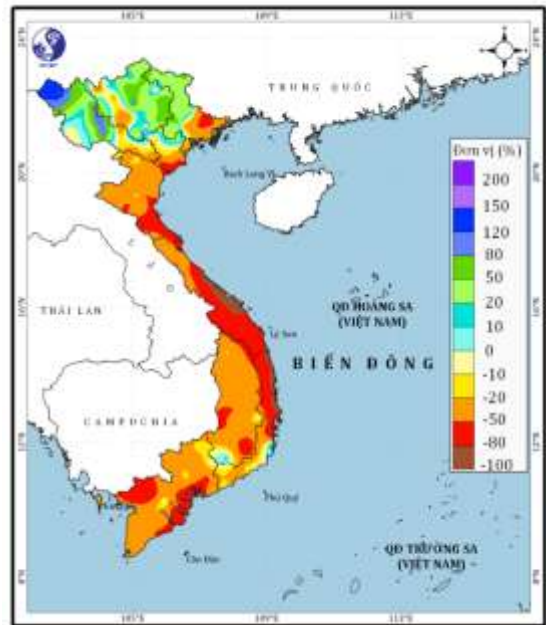


(b)

Hình 2: Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 7/2023 (a); Chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 8/2023 (b)



(a)



(b)

Hình 3: Tỷ chuẩn lượng mưa tháng 7/2023 (a); Tỷ chuẩn lượng mưa tháng 8/2023 (b)

Trong tháng 8/2023, TLM tại khu vực Bắc Bộ phổ biến cao hơn so với TBNN từ 20-50%; riêng khu vực Lai Châu-Điện Biên cao hơn từ 80-120%. Các khu vực khác trên cả nước phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 20-50% , riêng khu vực Trung Trung Bộ và ven biển Nam Trung Bộ thấp hơn từ 50-80% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

Trong nửa đầu tháng 9/2023, tại các khu vực Bắc Bộ, Tây Nguyên và

Nam Bộ có TLM phổ biến xấp xỉ đến cao hơn 20-40% so với TBNN cùng thời kỳ, có nơi cao hơn từ 80-120%. Các khu vực khác thiếu hụt từ 20-40%, có nơi trên 50%.

### ***1.2. Tình hình thủy văn, nguồn nước***

#### ***+ Khu vực Bắc Bộ:***

Các sông suối khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 06 đợt lũ nhỏ trên sông sông Nậm Pàn, sông Nậm Kim, sông Mã, sông Thao và sông Lô. Đỉnh lũ trên sông Mã tại Xã Là, sông Nậm Pàn tại Hát Lót, sông Lô tại Hà Giang vượt mức báo động (BD)2; trên sông Thao tại Lào Cai, Bảo Hà và Yên Bái, trên sông Nậm Kim tại Mù Cang Chải vượt mức BD1.

Dòng chảy trên các sông suối khu vực Bắc Bộ thiếu hụt so với TBNN từ 15-40%; cao hơn năm 2022 khoảng 10-30%, riêng vùng hồ Thác Bà thấp hơn năm 2022 khoảng 10% (lượng dòng chảy lớn hơn năm 2022 chủ yếu tập trung trong tháng 8).

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Hồng cao hơn năm 2022 khoảng 649 triệu m<sup>3</sup>.

#### ***+ Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:***

Trên các sông ở thượng nguồn sông Mã, thượng nguồn sông Cả; sông La Ngà và khu vực Nam Tây Nguyên xuất hiện 1-2 đợt lũ; đỉnh lũ trên sông La Ngà, sông Cam Ly vượt mức BD3; các sông khác ở trên mức BD1.

Lưu lượng dòng chảy trên phần lớn các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 15-65%; riêng sông Tả Trạch, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc và các sông ở Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN cùng kỳ.

Hiện tại, mực nước các hồ chứa thủy điện trong khu vực ở mức thấp hơn mực nước dâng bình thường từ 1,0-10,0m, một số hồ thấp hơn trên 15m như: Hồ Cửa Đạt, Tả Trạch, Bình Điền, A Vương, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Nước Trong, Định Bình. Dung tích của các hồ chứa thủy điện phổ biến đạt từ 50-90%, một số hồ chỉ còn 30-40% dung tích hồ chứa (DTHC) như: Hồ Cửa Đạt, Tả Trạch, Bình Điền, Nước Trong, Trà Xom, Định Bình, Ka Năk.

***Lũ quét, sạt lở đất:*** Từ tháng 7 đến nửa đầu tháng 9, lũ quét, sạt lở đất đã xảy ra tại nhiều khu vực ở các tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hòa Bình, Đắk Nông, Lâm Đồng gây thiệt hại lớn về người, tài sản và hạ tầng giao thông.

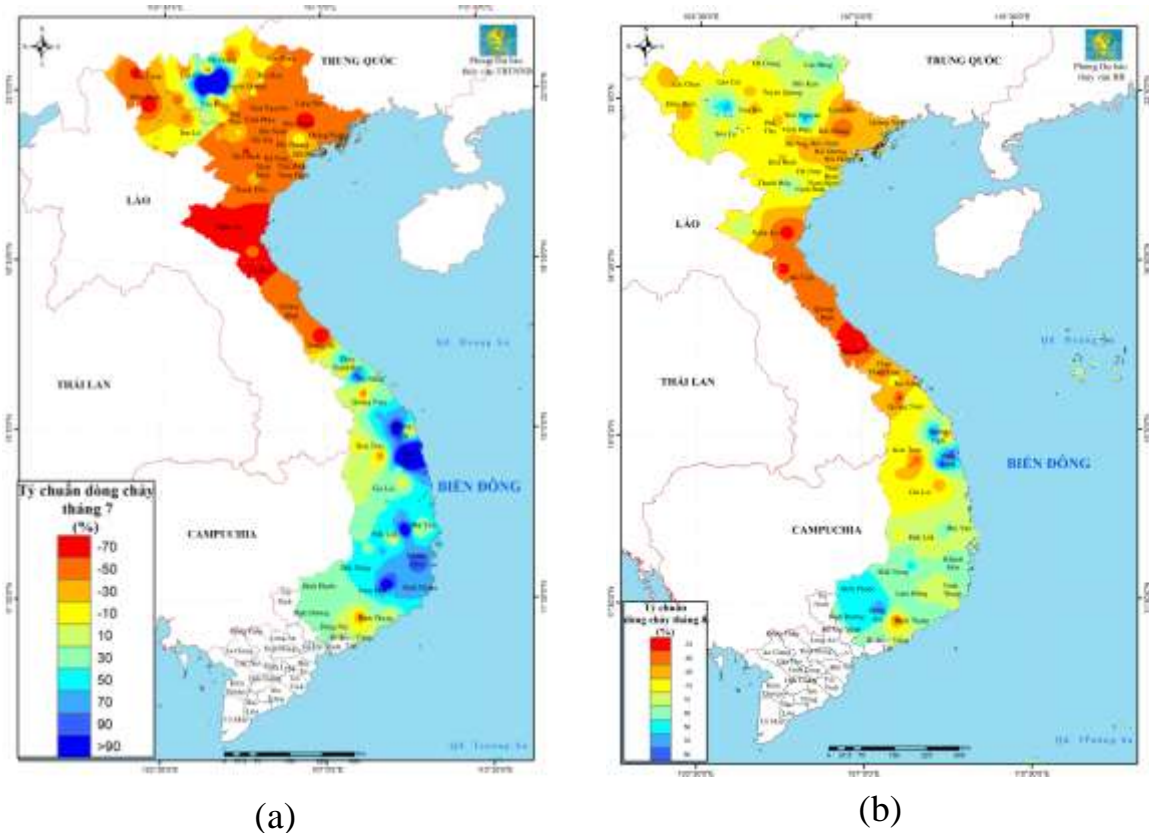
+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Từ tháng 7 đến đến nửa đầu tháng 9, trên sông Đồng Nai xuất hiện 3 đợt lũ và 4 đợt dao động. Đỉnh lũ cao nhất tại Tà Lài 113,44m (23h/30/7) trên BĐ3: 0,44m.

Sông Cửu Long: Từ tháng 7 đến đến nửa đầu tháng 9, mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công phổ biến ở mức thấp hơn TBNN (2012-2022) từ 0,1-1,0m. Hiện tại (ngày 14/9), mực nước Biển Hồ (Campuchia) tại trạm Kompong Luong thấp hơn khoảng 0,88m so với TBNN cùng kỳ và thấp hơn 1,33m so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ tháng 7 đến ngày 14/9 ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ và thấp hơn cùng kỳ năm 2022 từ 7-10%.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế lên dần. Hiện tại, mực nước trên sông Tiền tại Tân Châu 2,2m, sông Hậu tại Châu Đốc 2,11m, thấp hơn TBNN từ 0,35-0,65m.



Hình 4: Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 7/2023 (a) và bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 8/2023 (b)

### 1.3. Tình hình hải văn:

- Sóng biển: Trong tháng 8 và nửa đầu tháng 9/2023, do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh kết hợp với hoàn lưu của cơn bão số 3

(SAOLA) đã gây sóng lớn trên hầu khắp các vùng biển cả nước. Theo số liệu quan trắc trên vùng biển Quảng Trị trở vào đến Kiên Giang đã ghi nhận độ cao sóng dao động trong khoảng 2-3m. Trong kỳ nghỉ lễ 2/9, phà và tàu cao tốc đi đảo Phú Quốc, Nam Du đã phải tạm dừng hoạt động do ảnh hưởng của sóng lớn, mưa dông và gió mạnh. Số liệu obship và vệ tinh ghi nhận trên khu vực Bắc Biển Đông sóng cao 2-3m; riêng thời điểm có bão sóng cao 4-6m, vùng gần tâm bão 8-10m, biển động dữ dội. Khu vực Giữa và Nam Biển Đông cao 2-5m, biển động mạnh.

- Triều cường: Cuối tháng 8/2023, khu vực ven biển Tây Nam Bộ xuất hiện một đợt triều cường kèm theo sóng lớn do hoàn lưu bão số 2.

## **2. Dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 10-12/2023**

### **2.1. Khí tượng**

- *Hiện tượng ENSO*: Hiện nay, trạng thái khí quyển và đại dương đang trong điều kiện El Nino. Dự báo trong ba tháng tới, El Nino tiếp tục duy trì với xác suất khoảng 90-95%.

- *Bão, ATNĐ*: Từ nay đến hết năm 2023, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng 3-5 cơn bão/ATNĐ, trong đó có khoảng 1-2 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Đề phòng những cơn bão có diễn biến phức tạp cả về quỹ đạo cũng như cường độ.

- *Rét đậm, rét hại*: Trong thời kỳ đầu mùa Đông năm 2023-2024, không khí lạnh có khả năng hoạt động yếu; rét đậm, rét hại có thể xuất hiện muộn và số ngày rét đậm, rét hại có xu hướng ít hơn so với TBNN.

- *Mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá*: Dải hội tụ nhiệt đới tiếp tục hoạt động từ nay cho đến khoảng tháng 11/2023, sau đó có xu hướng dịch xuống phía Nam. Do vậy, ở khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ sẽ còn nhiều ngày mưa rào và dông, có ngày xuất hiện mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to, xảy ra nhiều hơn ở khu vực miền Trung. Ngoài ra, ở khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ do chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam hoạt động với cường độ trung bình đến mạnh nên tiếp tục xuất hiện nhiều ngày có mưa rào và dông. Trong cơn dông cần đề phòng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trên phạm vi cả nước, đặc biệt trong giai đoạn chuyển mùa, tháng 10 và tháng 11/2023.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Bão/ATNĐ, gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên các vùng biển. Ngoài ra, hiện tượng mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá, rét đậm, rét hại, sương muối có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực trên phạm vi toàn quốc.

- *Nhiệt độ trung bình*: Tháng 10/2023, trên phạm vi toàn quốc NĐTĐ phổ biến cao hơn khoảng 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN. Từ tháng 11-12/2023, phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5<sup>0</sup>C với TBNN (*Hình 5a, 6a, 7a*).

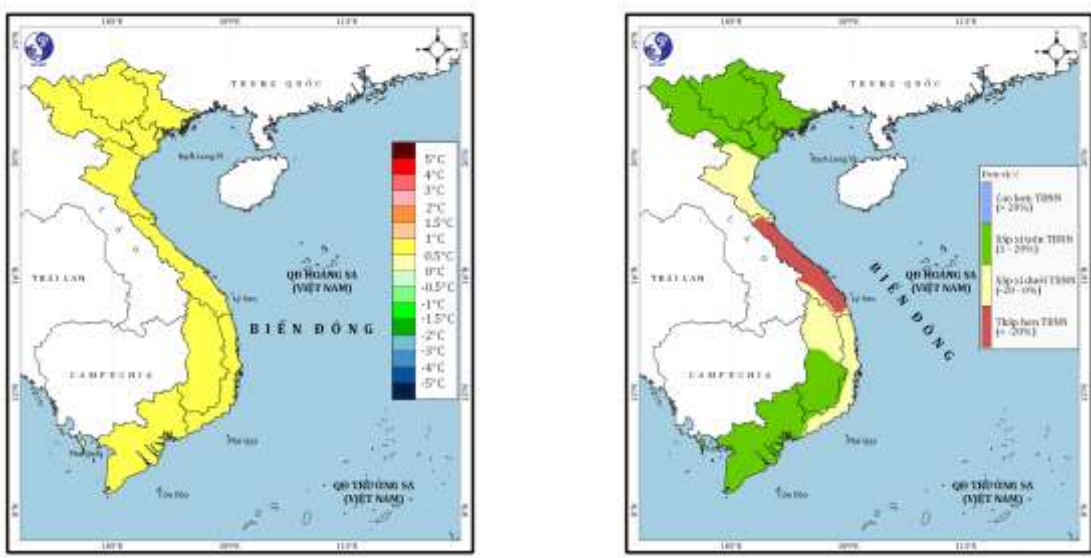
- *Tổng lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ: TLM từ tháng 10-12/2023 phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-30%; riêng tháng 12/2023 có khả năng cao hơn trên 30% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Trung Bộ: TLM từ tháng 10-11/2023 phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 10-30%; riêng khu vực Bắc Trung Bộ trong tháng 11/2023 ở mức cao hơn từ 15-30%. Tháng 12/2023, TLM tại Bắc Trung Bộ phổ biến cao hơn từ 20-40%, Trung Trung Bộ ở mức xấp xỉ và Nam Trung Bộ phổ biến thấp hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: TLM tháng 10/2023 ở mức xấp xỉ TBNN. Tháng 11-12/2023, TLM ở khu vực Tây Nguyên ở mức thấp hơn từ 15-30%, khu vực Nam Bộ ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 5b, 6b, 7b*).

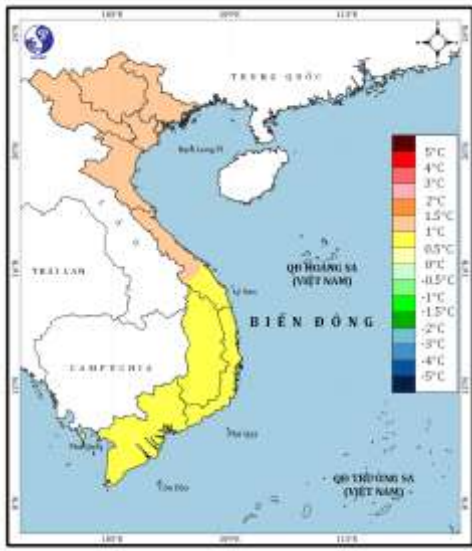
+ Lưu vực sông Mê Công: Khu vực thượng lưu, TLM từ tháng 10-11/2023 phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-20%; tháng 12/2023 cao hơn từ 20-40%. Khu vực trung lưu, TLM từ tháng 10-11/2023 phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN; riêng ở phía Nam thấp hơn khoảng 5-15%; tháng 12/2023 phổ biến cao hơn từ 5-15% so với TBNN. Khu vực hạ lưu, TLM từ tháng 10-11/2023 phổ biến cao hơn so với TBNN khoảng 5-10%; sang tháng 12/2023 ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.



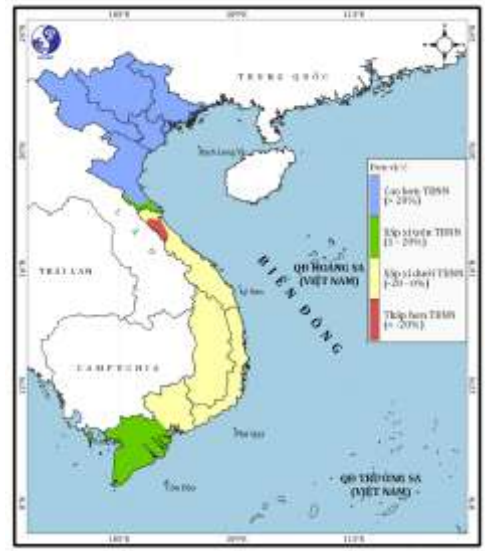
(a)

(b)

*Hình 5: Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (<sup>0</sup>C) tháng 10/2023 (a) và dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 10/2023 (b)*

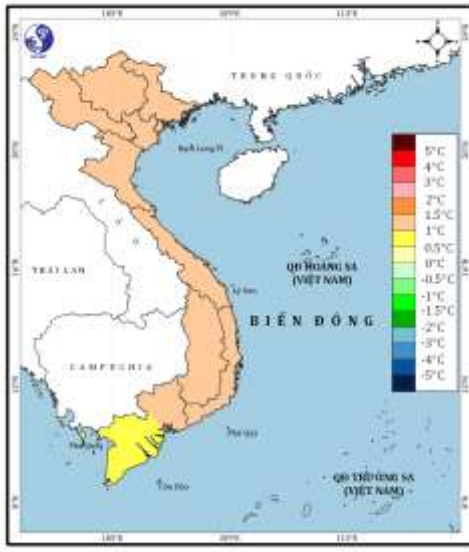


(a)

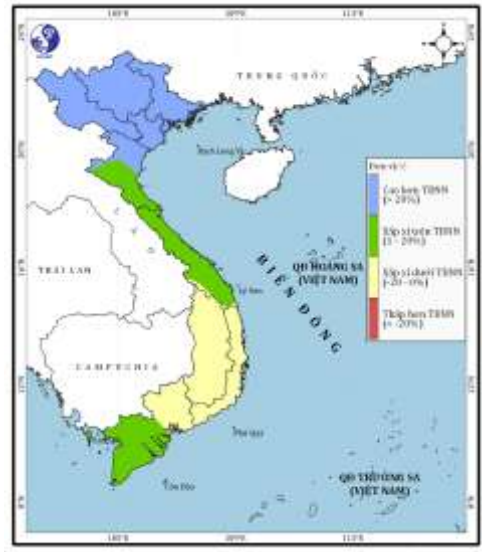


(b)

Hình 6: Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 11/2023 (a) và dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) mưa tháng 11/2023 (b).



(a)



(b)

Hình 7: Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) tháng 12/2023 (a) và dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 12/2023 (b).

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa phổ biến từ tháng 10-12/2023

Khu vực dự báo	Tháng 10/2023		Tháng 11/2023		Tháng 12/2023	
	NĐTB ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)	NĐTB ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)	NĐTB ( $^{\circ}\text{C}$ )	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	22,5-23,5	50-80	20,0-21,0	25-50	17,0-18,0	25-50
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	25,5-26,5	90-150	23,0-24,0	40-70	19,0-20,0	30-60



Khu vực dự báo	Tháng 10/2023		Tháng 11/2023		Tháng 12/2023	
	NĐTB (°C)	TLM (mm)	NĐTB (°C)	TLM (mm)	NĐTB (°C)	TLM (mm)
<b>Hải Phòng (Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ)</b>	25,5-26,5	70-130	22,5-23,5	40-70	19,0-20,0	25-50
<b>Hà Đông (Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ)</b>	25,5-26,5	120-180	23,0-24,0	40-70	19,0-20,0	20-40
<b>Vinh (Bắc Trung Bộ)</b>	25,5-26,5	400-500	23,0-24,0	120-180	20,0-21,0	70-130
<b>Huế (Trung Trung Bộ)</b>	25,5-26,5	600-700	24,0-25,0	530-630	21,5-22,5	400-500
<b>Nha Trang (Nam Trung Bộ)</b>	27,0-28,0	250-350	26,5-27,5	280-380	25,5-26,5	170-230
<b>Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)</b>	24,0-25,0	170-240	23,5-24,5	70-120	22,0-23,0	15-30
<b>Châu Đốc (Nam Bộ)</b>	27,5-28,5	230-330	27,5-28,5	130-200	26,5-27,5	40-70

## 2.2. Thủy văn và nguồn nước

### + Khu vực Bắc Bộ:

Trong tháng 10, trên các sông suối nhỏ ở Bắc Bộ vẫn có khả năng xuất hiện lũ với đỉnh lũ ở mức BĐ1. Từ tháng 11, mực nước trên các sông suối khu vực Bắc Bộ xuống dần, ít có khả năng xuất hiện lũ.

Tổng lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên sông Đà thiếu hụt từ 10-30% so với TBNN, cao hơn năm 2022 khoảng 15-30%; trên sông Gâm thiếu hụt khoảng 20-30% so với TBNN, tương đương năm 2022; trên sông Chảy thiếu hụt khoảng 10-20% so với TBNN, thấp hơn năm 2022 khoảng 5-10%.

### + Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:

Từ nửa cuối tháng 9 đến tháng 12/2023, trên các sông từ Thanh Hóa đến Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên xuất hiện các đợt lũ.

Đỉnh lũ năm 2023 tại hạ lưu các sông chính ở Thanh Hóa dưới mức BĐ1; các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ở mức BĐ1-BĐ2; các sông từ Quảng Bình đến

Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Trên các sông suối nhỏ, vùng thượng lưu các sông có khả năng xuất hiện lũ lớn, lũ quét và sạt lở đất; ngập úng vùng trũng thấp, khu đô thị và ven sông.

Lưu lượng dòng chảy các tháng từ tháng 10-12/2023, trên các sông ở Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Khánh Hòa và khu vực nam Tây Nguyên tương đương TBNN cùng kỳ; các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, Quảng Trị, Phú Yên, Bình Thuận và bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN từ 10-60%.

+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ nhỏ.

Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy trên sông Mê Công về ĐBSCL từ nửa cuối tháng 9 đến tháng 12/2023 ở mức thấp hơn TBNN từ 10-20%. Đỉnh lũ năm 2023 ở đầu nguồn sông Cửu Long (tại trạm Tân Châu, Châu Đốc) ở dưới BĐ1, khả năng xuất hiện vào cuối tháng 9, nửa đầu tháng 10; đỉnh lũ năm tại các trạm hạ nguồn sông Cửu Long ở mức BĐ2-BĐ3, một số trạm trên mức BĐ3; nguy cơ xảy ra ngập lụt tại một số vùng trũng thấp, ven sông, thành phố Cần Thơ, Vĩnh Long.

*Bảng 2: Dự báo thủy văn từ tháng 10-12/2023*

Sông	Trạm	Tháng 10/2023			Tháng 11/2023			Tháng 12/2023		
		H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)
<b>Đà</b>	Hồ Hòa Bình (Q)	40	3000	1350	40	2800	1000	40	2500	650
<b>Thao</b>	Yên Bái	2500	2800	2600	2450	2650	2550	2400	2600	2500
	Phú Thọ	1200	1350	1250	1170	1300	1200	1120	1250	1180
<b>Lô</b>	Tuyên Quang	1260	1550	1385	1240	1500	1350	1200	1450	1300
	Vụ Quang	500	700	580	480	650	530	460	600	500
<b>Cầu</b>	Đáp Cầu	50	230	120	25	180	90	20	180	80
<b>Thương</b>	Phủ Lạng Thương	30	220	115	15	170	80	5	170	70
<b>Lục Nam</b>	Lục Nam	20	200	110	10	150	60	-10	150	55
<b>Thái Bình</b>	Phả Lại	15	190	110	5	155	70	-5	155	65
<b>Hồng</b>	Hà Nội	100	300	190	70	250	140	45	210	100
<b>Hoàng Long</b>	Bến Đẽ	30	150	100	10	120	60	5	100	45
<b>Mã</b>	Giàng	-20	230	105	-50	215	60	-95	200	45
<b>Cả</b>	Nam Đàn	50	540	180	30	320	85	-15	160	70

Sông	Trạm	Tháng 10/2023			Tháng 11/2023			Tháng 12/2023		
		H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)	H <sub>min</sub> (cm)	H <sub>max</sub> (cm)	H <sub>TB</sub> (cm)
<b>La</b>	Linh Cảm	-40	400	95	-65	195	55	-90	165	45
<b>Gianh</b>	Mai Hóa	-50	620	80	-45	400	42	-75	250	30
<b>Hương</b>	Kim Long	24	260	60	30	320	95	15	200	58
<b>Thu Bồn</b>	Câu Lâu	-10	280	85	-15	360	105	-25	300	90
<b>Trà Khúc</b>	Trà Khúc	50	500	145	75	630	190	70	520	160
<b>Kôn</b>	Thạnh Hòa	550	720	580	570	810	690	600	700	660
<b>Đà Rằng</b>	Phú Lâm	-70	130	25	-50	290	35	-65	100	28
<b>Đắkbla</b>	Kon Tum	51540	52150	51680	51530	51950	51640	51510	51700	51600
<b>Krông Ana</b>	Giang Sơn	41750	42100	41895	41900	42150	41985	41700	41950	41810
<b>Đồng Nai</b>	Tà Lài	11110	11190	11140	11050	11150	11110	11050	11150	11110
<b>Tiền</b>	Tân Châu	210	300	260	110	260	160	35	200	100
<b>Hậu</b>	Châu Đốc	190	280	240	90	240	140	30	190	95

Bảng 3: Dự báo nguồn nước từ tháng 10-12/2023

Sông	Trạm	Tháng 10/2023		Tháng 11/2023		Tháng 12/2023	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )
<b>Đà</b>	Hồ Hòa Bình	130-230	3616	40-70	2592	20-40	1741
<b>Thao</b>	Yên Bái	120-220	1420	50-90	985	30-60	723
<b>Lô</b>	Tuyên Quang	80-140	2544	50-80	1244	25-50	937
<b>Hồng</b>	Hà Nội	110-200	5303	50-90	3784	30-60	3080
<b>Cầu</b>	Gia Bảy	80-140	134	50-90	67	25-50	54
<b>Lục Nam</b>	Chũ	50-90	56	40-70	26	25-50	16
<b>Mã</b>	Cầm Thủy	80-130	937	30-60	466	20-40	388
<b>Cả</b>	Yên Thượng	250-350	1821	80-140	960	40-70	562
<b>La</b>	Hòa Duyệt	400-600	348	180-280	349	70-130	174
<b>Tả Trạch</b>	Thượng Nhật	700-900	128	650-850	169	350-450	150
<b>Thu Bồn</b>	Nông Sơn	650-850	1339	750-950	2203	500-700	1446
<b>Trà Khúc</b>	Sơn Giang	550-750	1125	700-900	1684	500-700	1205
<b>Ba</b>	Cùng Sơn	320-450	1150	300-400	1240	130-190	620
<b>Cái Nha Trang</b>	Đồng Trăng	250-350	320	280-380	480	170-230	442
<b>ĐắkBla</b>	KonTum	140-200	535	40-70	285	5-10	170
<b>Srêpôk</b>	Giang Sơn	170-240	520	70-120	656	15-30	388
<b>Tiền</b>	Tân Châu	230-330	49000	130-200	35000	40-70	22170

Sông	Trạm	Tháng 10/2023		Tháng 11/2023		Tháng 12/2023	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m <sup>3</sup> )
Hậu	Châu Đốc	230-330	11500	130-200	7250	40-70	3800

### 2.3. Hải văn

- Sóng biển: Vùng ven biển các tỉnh khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ cần lưu ý đề phòng sóng lớn kết hợp với nước dâng do ảnh hưởng của bão/ATNĐ trong tháng 10-12/2023, nguy cơ cao gây sạt lở bờ sông, bờ biển. Tháng 10-12/2023, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, độ cao sóng ở khu vực vịnh Bắc Bộ, vùng biển ngoài khơi Trung Bộ, trên khu vực Bắc và Giữa Biển Đông có thể đạt 2-4m, biển động.

- Triều cường: Từ tháng 10 đến tháng 12/2023, tại khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 05 đợt triều cường: Đợt 1 từ ngày 29/9-03/10, đợt 2 từ ngày 27/10-01/11, đợt 3 từ ngày 13-18/11, đợt 4 từ ngày 25-30/11 và đợt 5 từ ngày 12-18/12. Trong đó, đợt triều cường từ ngày 27/10-01/11 có thể đạt trên 4,2m, nếu kết hợp với gió mùa Đông Bắc thì đợt triều cường này sẽ có nguy cơ gây ngập úng ở vùng trũng, thấp, khu vực ngoài đê bao cho khu vực Đông Nam Bộ.

- Dự tính thủy triều:

Bảng 4: Dự tính thủy triều từ tháng 10-12/2023

Vị trí	Tháng 10/2023						Tháng 11/2023						Tháng 12/2023					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
	Hx	T.gian	Hx	T.gian	Hx	T.gian	Hx	T.gian	Hx	T.gian	Hx	T.gian	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày
Cô Tô	404	08h59	22	17	18h59	21	425	7h32	19	-5	17h38	18	400	5h37	1	-11	16h50	16

Vị trí	Tháng 10/2023						Tháng 11/2023						Tháng 12/2023					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
Bạch Long Vỹ	347	08h59	22	37	20h59	22	367	6h36	18	17	19h22	18	383	5h39	16	8	18h25	16
Hòn Ngur	297	06h00	20	55	20h00	31	312	4h42	01	28	19h12	29	296	4h54	15	17	19h30	15
Hoàng Sa	135	23h43	20	-1	09h24	21	146	22h38	17	-13	08h04	18	152	21h46	15	-21	06h15	15
Lý Sơn	173	9h56	18	42	13h47	20	196	21h34	29	39	07h10	17	203	22h00	15	37	06h28	15
Trường Sa	309	2h19	24	168	14h19	25	330	23h02	17	152	07h42	17	337	22h13	15	143	06h50	15
Phú Quý	288	02h36	23	129	19h00	23	287	01h03	19	114	09h21	18	285	00h00	16	108	08h36	16
Côn Đảo	330	3h59	5	83	16h59	7	341	2h40	17	27	10h27	17	344	1h46	15	10	9h36	15
Thổ Chu	155	10h00	27	55	23h59	28	129	04h43	17	79	18h46	16	131	03h47	15	77	18h28	15

### 3. Xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 01-3/2024

#### 3.1. Khí tượng

- *Hiện tượng ENSO*: Dự báo hiện tượng El Nino tiếp tục duy trì trong 3 tháng đầu năm 2024 với xác suất khoảng 85-95% và cường độ có xu hướng giảm dần.

- *Bão/ATNĐ*: Dự báo từ tháng 01-3/2024, bão/ATNĐ ít có khả năng hoạt động trên khu vực Biển Đông.

- *Rét đậm, rét hại*: Từ tháng 01-3/2024, số ngày rét đậm, rét hại có khả năng ít hơn so với TBNN và các đợt rét đậm, rét hại có xu hướng không kéo dài.

- *Khô hạn*: Tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng sẽ xảy ra khô hạn kéo dài trong các tháng mùa khô năm 2024.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Bão/ATNĐ và gió mùa Đông Bắc có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên các vùng biển; hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực miền Bắc. Khu vực phía Nam tình trạng ít mưa, khô hạn, thiếu nước trong các tháng mùa khô năm 2024 sẽ tác động lớn đến các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân nơi đây.

- *Xu thế nhiệt độ trung bình*: Từ tháng 01-3/2024, NĐTĐ trên hầu khắp cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN khoảng từ 0,5-1,5<sup>0</sup>C.

- *Xu thế lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ:

Tháng 01-02/2024, TLM phổ biến từ 20-60mm, cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ 5-15mm. Tháng 3/2024, TLM phổ biến từ 30-60mm, thấp hơn TBNN cũng thời kỳ từ 5-10mm.

+ Khu vực Trung Bộ:

Tháng 01-02/2024, TLM tại khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến cao hơn so với TBNN khoảng từ 5-10mm, riêng phía Nam Nghệ An-Hà Tĩnh cao hơn từ 10-20mm (TLM tháng 01/2024 phổ biến từ 30-60mm, riêng phía Nam Nghệ An-Hà Tĩnh phổ biến từ 60-100mm; tháng 02/2024 phổ biến từ 15-30mm, riêng phía Nam Nghệ An-Hà Tĩnh phổ biến từ 30-60mm). Tháng 3/2024 TLM thấp hơn từ 5-10mm so với TBNN cùng thời kỳ (TLM phổ biến từ 30-60mm).

TLM tại khu vực Trung Trung Bộ trong tháng 01/2024, phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-20mm (TLM phổ biến từ 70-150mm, có nơi cao hơn). Tháng 02-3/2024 TLM phổ biến thấp hơn từ 5-20mm so với TBNN cùng thời kỳ (TLM phổ biến từ 30-60mm).

TLM tại khu vực Nam Trung Bộ từ tháng 01-3/2024 phổ biến thấp hơn so với TBNN khoảng từ 5-15mm (TLM trong tháng 01/2024 phổ biến từ 20-50mm, tháng 02-3/2024 phổ biến từ 15-30mm, có nơi cao hơn).

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ:

Tháng 01-3/2024 phổ biến ít mưa và TLM phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ (mưa trái mùa ít có khả năng xảy ra trên khu vực). Dự báo, TLM trong tháng 01-02/2024 trên các khu vực này phổ biến từ 5-15mm, tháng 3/2024 phổ biến từ 15-30mm.

+ Lưu vực sông Mekong: Khu vực thượng lưu, TLM tháng 01-02/2024 phổ biến phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-20%; sang tháng 3/2024 phổ biến thấp hơn khoảng từ 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ. Khu vực trung lưu, TLM từ tháng 01-02/2024 phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN, riêng phía Nam thấp hơn từ 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ; sang tháng 3/2024 phổ biến thấp hơn khoảng từ 10-30%. Khu vực hạ lưu, TLM từ tháng 01-03/2024 phổ biến thấp hơn từ 20-40% so với TBNN cùng thời kỳ.

### **3.2. Thủy văn và nguồn nước**

+ *Khu vực Bắc Bộ:*

Nguồn nước trên các sông suối khu vực Bắc Bộ phổ biến sẽ tiếp tục thiếu hụt nhiều so với TBNN, cụ thể: Lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên lưu vực sông Đà thiếu hụt từ 5-20%; sông Gâm và sông Chảy thiếu hụt từ 5-10% so với TBNN.

+ *Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên:*

Từ tháng 01-3/2024, dòng chảy trên các sông ở Trung Bộ, khu vực Bắc Tây Nguyên giảm dần. Lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa và khu vực Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-25%, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Phú Yên, Bình Thuận và Bắc Tây Nguyên thấp hơn TBNN từ 20-55%.

+ *Khu vực Nam Bộ:*

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về hạ lưu và ĐBSCL từ tháng có xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn TBNN từ 20-30%. Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều với xu thế xuống dần.

*Trong các tháng mùa khô 2023-2024, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Xâm nhập mặn vùng ĐBSCL khả năng đến sớm hơn, gay gắt hơn so với TBNN. Các địa phương ở vùng ĐBSCL cần sớm có các biện pháp chủ động phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn.*

### **3.3. Hải văn**

Từ tháng 01-3/2024, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, độ cao sóng ở khu vực Vịnh Bắc Bộ có thể đạt 2-4m, vùng biển ngoài khơi Trung Bộ sóng biển dao động từ 3-5m (với xác suất trên 70%).

Từ tháng 01-4/2024, tại khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 03 đợt triều cường ở mức cao: Đợt 01 từ ngày 12-15/01/2024, đợt 02 từ ngày 11-14/02/2024, đợt 03 từ ngày 10-13/03/2024. Các đợt triều cường này nếu trùng vào thời kỳ gió mùa Đông Bắc có cường độ mạnh tràn xuống phía Nam, khu vực trũng, thấp ở cửa sông ven biển, vùng ven biển chịu ảnh hưởng của triều cường tại các tỉnh ven biển khu vực Đông Nam Bộ sẽ có nguy cơ ngập, lụt (với xác suất trên 70%).

*Tin phát ngày: 15/9/2023.*

*Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/10/2023./.*

#### **Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ TN&MT;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- Văn phòng UBND Quốc gia và TKCN;
- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ QP);
- Cục BĐKH; Cục Quản lý TNN;
- Viện KTTV&BĐKH; Viện ĐC&KS;
- Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng cục KTTV;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục KTTV;
- Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐBKH. ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Phúc Lâm**



**PHỤ LỤC 1. TỔNG LƯỢNG MƯA THÁNG VÀ  
LƯỢNG MƯA NGÀY VƯỢT GTLS**

*Bảng 1: Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 7/2023 tại một số trạm khí tượng trên toàn quốc*

<b>Trạm khí tượng</b>	<b>GTLS TLM tháng 7</b>	<b>Năm xuất hiện</b>	<b>Giá trị vượt GTLS trong tháng 7/2023</b>
Phú Quý (Bình Thuận)	292,8	1991	364,2
Đắk Tô (Kon Tum)	513,8	2000	576,2
Phước Long (Bình Phước)	771,1	1997	949,9
Biên Hòa (Đồng Nai)	404,7	2011	535,6
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	313,4	2015	497,0
Côn Đảo (Bà Rịa Vũng Tàu)	662,1	1966	718,2
Vĩnh Long (Vĩnh Long)	366,1	1992	390,6
Cần Thơ (Cần Thơ)	434,0	2003	527,5
Vị Thanh (Hậu Giang)	547,0	2003	691,8
Sóc Trăng (Sóc Trăng)	532,2	2022	601,2

*Bảng 2: Lượng mưa ngày (mm) vượt GTLS trong tháng 7/2023 tại một số trạm khí tượng trên toàn quốc*

<b>Trạm khí tượng</b>	<b>GTLS TLM ngày tháng 7</b>	<b>Năm xuất hiện</b>	<b>Giá trị vượt GTLS</b>	<b>Ngày xảy ra</b>
Côn Đảo (Bà Rịa Vũng Tàu)	170,8	1966	178,1	29/7/2023
Trà Nóc (Cần Thơ)	70,9	2020	74,9	03/7/2023
Cần Thơ (Cần Thơ)	109,7	2003	113,8	29/7/2023
Vị Thanh (Hậu Giang)	139,2	2022	204,8	29/7/2023
Rạch Giá (Kiên Giang)	220,3	1991	229,8	29/7/2023

*Bảng 3: Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 8/2023 tại một số trạm khí tượng trên toàn quốc*

<b>Trạm khí tượng</b>	<b>GTLS TLM tháng 8</b>	<b>Năm xuất hiện</b>	<b>Giá trị vượt GTLS tháng 8/2023</b>
Mường La (Sơn La)	713,1	2002	721,5
Đồng Văn (Hà Giang)	351,1	2015	395,0

*Bảng 4: Lượng mưa ngày (mm) vượt GTLS trong 15 ngày đầu tháng 9/2023 tại một số trạm khí tượng trên toàn quốc*

<b>Trạm</b>	<b>GTLS TLM ngày tháng 9</b>	<b>Năm xuất hiện</b>	<b>Giá trị vượt GTLS</b>	<b>Ngày xảy ra</b>
Mẫu Sơn (Lạng Sơn) (số liệu từ 2012)	99,5	2018	141,6	13/9/2023
Hoài Đức (Hà Nội) (số liệu từ 2012)	111,3	2018	124,1	14/9/2023

**PHỤ LỤC 2. GIÁ TRỊ NHIỆT ĐỘ CAO NHẤT TUYỆT ĐỐI VƯỢT  
GTLS THÁNG**

*Bảng 1: Nhiệt độ ( $^{\circ}C$ ) cao nhất tuyệt đối vượt GTLS tại một số trạm khí tượng trên toàn quốc trong tháng 7/2023*

<b>Trạm khí tượng</b>	<b>GTLS tháng 7</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Giá trị vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS</b>
Mường Tè (Lai Châu)	38,3	2021	39,1	22/7/2023
Mộc Châu (Sơn La)	32,8	1983	33,5	08/7/2023
Lào Cai (Lào Cai)	40,2	2015	40,4	17/7/2023
Mù Cang Chải (Yên Bái)	32,9	2017	33,3	16/7/2023
Lục Yên (Yên Bái)	38,8	2010	40,5	17/7/2023
Hà Giang (Hà Giang)	38,6	1965	39,5	17/7/2023
Hoàng Su Phì (Hà Giang)	36,9	2001	39,7	16/7/2023
Hàm Yên (Tuyên Quang)	39,2	2001	39,4	17/7/2023
Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	38,3	2004	39,2	17/7/2023
Móng Cái (Quảng Ninh)	36,5	2020	36,6	28/7/2023
Quỳnh Lưu (Nghệ An)	39,1	2020	39,7	13/7/2023
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	40,2	2015	40,8	07/7/2023
Hoàng Sa (Đà Nẵng)	35,3	2020	36,2	15/7/2023
Kon Tum (Kon Tum)	33,9	2021	34,0	05/7/2023
Pleiku (Gia Lai)	32,0	2022	32,5	05/7/2023

*Bảng 2: Nhiệt độ ( $^{\circ}C$ ) cao nhất tuyệt đối vượt GTLS tại một số trạm khí tượng trên toàn quốc trong tháng 8/2023*

<b>Trạm khí tượng</b>	<b>GTLS tháng 8</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Giá trị vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	35,5	2020	35,7	10/8/2023
Đắk Mil (Đắk Nông)	30,7	2020	31,0	11/8/2023
Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	35,1	2020	35,5	11/8/2023
Trị An (Đồng Nai)	35,0	2020	35,3	14/8/2023
Thái Bình	36,9	2021	37,0	17/8/2023
Đông Hà (Quảng Trị)	39,4	1998	39,5	17/8/2023

*Bảng 3: Nhiệt độ ( $^{\circ}\text{C}$ ) cao nhất tuyệt đối vượt GTLS tại một số trạm khí tượng trên toàn quốc trong nửa đầu tháng 9 /2023*

<b>Trạm khí tượng</b>	<b>GTLS tháng 8</b>	<b>Năm xuất hiện GTLS</b>	<b>Giá trị vượt GTLS</b>	<b>Ngày xuất hiện</b>
Lào Cai	38,0	2018	38,6	02/9/2023
Lục Yên (Yên Bái)	37,4	1963	37,6	02/9/2023
Bắc Quang (Hà Giang)	37,2	1990	37,7	02/9/2023
Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	37,0	2020	37,2	02/9/2023
Hà Đông (Hà Nội)	37,1	2009	37,4	02/9/2023
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	37,1	2018	38,1	02/9/2023
An Nhơn (Bình Định)	37,4	2015	37,5	04/9/2023
Đình Lập (Lạng Sơn)	36,2	1990	36,4	06/9/2023
Đồng Văn (Hà Giang)	30,9	2021	31,0	07/9/2023
Hữu Lũng (Lạng Sơn)	37,0	2020	38,0	07/9/2023
Chí Linh (Hải Dương)	37,3	2020	37,4	07/9/2023
Phan Rí (Bình Thuận)	36,0	2019	36,2	13/9/2023